

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2019/DS-ST

Ngày: 16/04/2019

V/v tranh chấp “Đòi lại tài sản + Bảo lãnh”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Châu Vũ Sơn**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Hồng**.

2. Bà **Đặng Thị Kim Xuyên**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Ngô Thị Lắm**, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà **Đoàn Thụy Thùy Trang** – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 451/2018/TLST- DS ngày 24 tháng 12 năm 2018 về việc tranh chấp: “Đòi lại tài sản + hợp đồng bảo lãnh” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2019/QĐST-DS ngày 28 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1947; địa chỉ: ấp H T, xã K, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Lê Thành K, sinh năm 1940; địa chỉ: ấp H, xã K, huyện C, tỉnh An Giang, (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Trần Thị T, sinh năm 1941. Địa chỉ: Ấp H, xã K, huyện C, tỉnh An Giang, (có ý kiến xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày:

Vào ngày 03 tháng 11 năm 1988 bà có cho ông K mượn 3,1 chỉ vàng 24 kra (loại vàng 9999) thỏa thuận 02 tháng sẽ trả cho bà, lãi suất mỗi tháng đóng 03 phân vàng, bà giao trực tiếp cho ông K, mục đích ông K hỏi dùm người khác (Nhưng bà không biết là hỏi cho ai), bà cũng không gặp người hỏi dùm, chỉ biết ông K, ông K là người trực tiếp nhận, không làm giấy tờ, người ngoài cũng không

biết. Sau đó bà có đến nhà bà T hỏi về việc có nhờ ông K mượn vàng dùm bà T không thì bà T thừa nhận có nhận vàng từ ông K (bà cũng có gợi ý kiến trình bày của bà T). Từ đó đến nay ông K không trả vốn và cũng không trả lãi. Bà không yêu cầu bà T trả số vàng này, bà chỉ biết đưa vàng cho ông K, bà không biết bà T có nhờ ông K hỏi dùm hay không. Nay bà yêu cầu ông K có nghĩa vụ trả cho bà 3,1 chỉ vàng 24 kra (loại vàng 9999), yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày 03.11.1988 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Vào năm 1988 bà không nhớ rõ ngày tháng, bà có cho ông K mượn tiền không rõ là bao nhiêu nhưng quy ra thành lúa là 16 gia lúa mùa, việc mượn này không làm giấy tờ, người ngoài cũng không biết, mục đích ông K mượn để đóng tiền xáng mức kinh, thỏa thuận vài tháng sẽ trả lại cho bà, nhưng đến nay ông K không trả cho bà. Bà vẫn đồng ý với giá lúa mà Tòa án tiến hành xác minh tại Phòng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Chợ Mới là giá lúa nông dân thường dùng hiện nay là loại lúa 50404 có giá 4.800 đồng/kg x 20kg = 96.000đồng/20kg (Tương đương 01 gia lúa) vì hiện nay không còn lúa mùa.

Bị đơn ông Lê Thành K trình bày: Ông không thống nhất với lời trình bày của bà D, vì ông không có mượn số vàng 3,1 chỉ vàng 24 kra (loại 9999) và 16 gia lúa mùa như bà D trình bày. Do cho quen biết với bà D nên ông chỉ giới thiệu cho bà T mượn 06 phân vàng của bà D, còn việc bà T trả hay chưa thì ông hoàn toàn không biết. Ông không đồng ý theo yêu cầu của bà D.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 18.01.2019 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị T trình bày: Bà cũng không có bà con gì với bà D, ông K, chỉ quen biết ở xóm. Cách đây cũng mười mấy năm do bà không có vốn làm ăn bà có nhờ ông K chỉ dùm ai có vàng chỉ cho bà mượn đỡ, đến khi nào làm lúa xong thì bà trả lại, ông K có chỉ bà D nên bà mới mượn của bà D 06 phân vàng 24 kra, đến khi làm lúa xong bà đã trả cho bà D rồi. Còn việc bà D trình bày là ông K hỏi dùm bà 3,1 chỉ vàng 24 kra (Loại vàng 9999) và 16 gia lúa mùa, nếu bà không trả thì ông K bảo lãnh trả cho bà, sự việc đó là hoàn toàn không có. Bà chỉ mượn của bà D 06 phân vàng 24 kra nhưng đã trả rồi. Tờ tường trình ngày 23.10.2018 bà hoàn toàn không biết, vì bà không biết chữ, có lần bà D đem tờ giấy gì xuống bảo bà ký tên nhưng bà không chịu ký, bà D mới lấy 02 ngón chân của bà để điểm chỉ vào tờ giấy rồi nộp cho Tòa án để xác định nội dung là bà trình bày, sự việc đó hoàn toàn không có. Do bà đang bị bệnh đi đứng khó khăn cho bà xin vắng mặt tại các buổi hòa giải, xét xử bà không khiếu nại gì về sau.

Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ bà Trần Thị T đến tham gia phiên họp và hòa giải theo đúng trình tự của pháp luật nhưng bà có ý kiến xin vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Bà D trình bày: Ngày 03/11/1998, bà có cho ông Lê Thành K vay 3,1 chỉ vàng 24 kra (loại 9999), thời hạn 02 tháng, lãi suất 0,3 chỉ vàng/ tháng, không lập văn bản, không có người làm chứng. Ông K cho biết vay dùm bà Trần Thị T nhưng không trả lãi, vốn theo thỏa thuận. Ngoài ra ông K có vay 16 gia lúa, được quy đổi thành tiền. Nay, yêu cầu ông K trả 3,1 chỉ vàng 24 kra (loại 9999), 16 gia lúa và tính lãi suất theo quy định pháp luật 3,1 chỉ vàng 24 kra (loại 9999) từ ngày 03/11/1988 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm.

Phía ông K xác định không vay vàng, lúa như bà D trình bày nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà D.

Xét thấy, căn cứ bà D khởi kiện là tờ tường trình ngày 23/10/2018 của bà Trần Thị T có nội dung: “Tháng 11/1988, có nhờ ông K vay của bà D 3,1 chỉ vàng 24 kra. Ông K có đòi nhiều lần nhưng do khó khăn nên không có khả năng trả ông K”. Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của bà T và xác định có vay của bà D 0,6 chỉ vàng 24 kra và đã trả xong. Riêng tờ tường trình ngày 23/10/2018 do bà D soạn sẵn và đưa bà T điền chỉ vào. Ngoài ra, bà D không cung cấp chứng cứ chứng minh cho việc ông K bảo lãnh số nợ 3,1 chỉ vàng 24 kra (loại 9999) cho bà T cũng như việc hợp đồng vay lúa với ông K nên không có căn cứ buộc ông K trả 3,1 chỉ vàng 24 kra (loại 9999), 16 gia lúa và tính lãi suất theo quy định.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 166, 335 Bộ luật dân sự, xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn khởi kiện bị đơn ông Lê Thành K có nơi cư ngụ tại ấp H, xã K, huyện C, tỉnh An Giang, Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Trần Thị T được tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà có ý kiến xin vắng mặt, căn cứ Điều 228, Điều 238 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T.

[2] Qua lời khai của bà D, các tài liệu chứng cứ bà cung cấp và qua quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bà D cho rằng ông K có vay mượn số vàng 3,1 chỉ vàng 24 kra (loại vàng 9999) thỏa thuận 02 tháng sẽ trả cho bà, lãi suất mỗi tháng đóng 03 phân vàng và số lúa 16 gia lúa mùa, việc vay mượn giữa hai bên nhưng không làm giấy tờ, và cũng không ai biết, ông K không thừa nhận số nợ này. Ông K cho rằng ông chỉ giới thiệu bà T đến gặp bà D để vay số vàng do bà T có nhu cầu, ngoài ra ông không biết gì hết.

Tại biên bản lấy lời khai bà T, bà cũng thừa nhận có mượn 06 phân vàng 24 kra của bà D nhưng sau khi bà làm lúa đã trả rồi, việc bà D trình bày là có nhờ ông K hỏi số vàng và số lúa cho bà nếu bà không trả thì ông K bảo lãnh trả cho bà là không có.

Xét thấy, việc mượn giữa các bên không xác lập hợp đồng, bà D không có chứng cứ, chứng minh ông K có nợ của bà và ông K không thừa nhận số nợ này nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của bà D đối với ông K có nghĩa vụ trả cho bà số vàng 3,1 chỉ vàng 24 kra (loại vàng 9999), và 16 gia lúa mùa tương đương loại lúa 50404 có giá 4.800 đồng /kg x 20kg = 96.000đồng/20kg (Tương đương 01 gia lúa) vì hiện nay không còn lúa mùa.

[3] Về lãi suất: Do yêu cầu của bà D không được chấp nhận nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bà Nguyễn Thị D thuộc trường hợp được miễn án phí, nhưng bà có gởi đơn cho Tòa án xem xét nên bà không phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 166, Điều 335 Bộ luật dân sự năm 2015.
- Điều 26, 35, 39, 144, 147, 228, 238, 235, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D đối với ông Lê Thành K có nghĩa vụ trả cho bà số vàng 3,1 chỉ vàng 24 kra (loại vàng 9999), và 16 gia lúa mùa tương đương loại lúa 50404 có giá 4.800 đồng /kg x 20kg = 96.000đồng/20kg (Tương đương 01 gia lúa) vì hiện nay không còn lúa mùa.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt tham gia phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Vũ Sơn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Hồng Đặng Thị Kim Xuyên

Châu Vũ Sơn

Nguyễn Văn Hồng – Tô Ngọc Liêm

Dương Ngọc Trang

